

Số: 5260/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 9 năm 2013

SỞ QUY HOẠCH KIẾN TRÚC TP	
ĐẾN	Số: 2997/13UB
	Ngày: 5/12/2013

QUYẾT ĐỊNH

Về duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị
(quy hoạch phân khu) tỷ lệ 1/2000 khu dân cư phường 1, quận 10

l/c: *[Handwritten signatures]*

[Handwritten signature] ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

[Handwritten signature]

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Quyết định số 24/2010/QĐ-TTg ngày 06 tháng 01 năm 2010 của Thủ-tướng Chính phủ phê duyệt đồ-án-điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 10/2010/TT-BXD ngày 11 tháng 8 năm 2010 của Bộ Xây dựng quy định hồ sơ của từng loại quy-hoạch đô thị;

Căn cứ Quyết định số 04/2008/QĐ-BXD ngày 03 tháng 4 năm 2008 của Bộ Xây dựng về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng (QCXDVN 01:2008/BXD);

Căn cứ Quyết định số 28/2011/QĐ-UBND ngày 19 tháng 5 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy định về điều chỉnh quy hoạch đô thị tại thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 50/2011/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố về thẩm định, phê duyệt quy hoạch đô thị trên địa bàn thành phố;

Căn cứ Quyết định số 62/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2012 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 50/2011/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố về thẩm định, phê duyệt quy hoạch đô thị trên địa bàn thành phố;

Căn cứ Quyết định số 6011/QĐ-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2012 của Ủy ban nhân dân thành phố về phê duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng quận 10;

Xét đề nghị của Sở Quy hoạch - Kiến trúc tại Tờ trình số 3183/TTr-SQHKT ngày 10 tháng 9 năm 2013 về trình duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị (quy hoạch phân khu) tỷ lệ 1/2000 khu dân cư phường 1, quận 10,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị (quy hoạch phân khu) tỷ lệ 1/2000 khu dân cư phường 1, quận 10, với các nội dung chính như sau:

1. Vị trí, phạm vi ranh giới, diện tích, tính chất khu vực quy hoạch:

- Ranh giới khu đất điều chỉnh quy hoạch: thuộc phường 1, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh.

- Giới hạn khu vực như sau:

+ Phía Đông : giáp nút giao thông Ngã Sáu Cộng Hòa.

+ Phía Tây : giáp đường Lê Hồng Phong.

+ Phía Nam : giáp đường Hùng Vương và quận 5.

+ Phía Bắc : giáp nút giao thông Ngã Bảy Lý Thái Tổ và quận 3.

- Quy mô diện tích đất toàn khu quy hoạch: 20,81 ha.

- Tính chất của khu vực quy hoạch: khu nghiên cứu quy hoạch được xác định là khu dân cư của đơn vị hành chính là cấp phường bao gồm các chức năng sau:

+ Khu dân cư đô thị, phát triển theo hướng quy hoạch cải tạo chỉnh trang.

+ Các công trình công cộng cấp phường.

+ Các công trình công cộng cấp thành phố hiện hữu.

2. Cơ quan tổ chức lập đồ án quy hoạch phân khu:

Ủy ban nhân dân quận 10 (Chủ đầu tư: Ban quản lý Đầu tư Xây dựng Công trình quận 10).

3. Đơn vị tư vấn lập đồ án quy hoạch phân khu:

Viện Quy hoạch Xây dựng - Viện Nghiên cứu Phát triển thành phố.

4. Danh mục hồ sơ, bản vẽ đồ án quy hoạch phân khu:

- Thuyết minh tổng hợp.

- Thành phần bản vẽ bao gồm:

+ Sơ đồ vị trí và giới hạn khu đất, tỷ lệ 1/10.000.

+ Bản đồ hiện trạng kiến trúc cảnh quan và đánh giá đất xây dựng, tỷ lệ 1/2000.

+ Các bản đồ hiện trạng hệ thống hạ tầng kỹ thuật và bảo vệ môi trường, tỷ lệ 1/2000, bao gồm:

* Bản đồ hiện trạng hệ thống giao thông.

* Bản đồ hiện trạng cao độ nền và thoát nước mặt.

* Bản đồ hiện trạng hệ thống cấp điện và chiếu sáng.

* Bản đồ hiện trạng hệ thống cấp nước.

* Bản đồ hiện trạng hệ thống thoát nước thải, xử lý chất thải rắn.

- * Bản đồ hiện trạng hệ thống thông tin liên lạc.
- + Bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất, tỷ lệ 1/2000.
- + Sơ đồ tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan, tỷ lệ 1/2000.
- + Bản đồ quy hoạch giao thông, Bản đồ chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng, tỷ lệ 1/2000.
- + Các bản đồ quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật khác và môi trường, tỷ lệ 1/2000, bao gồm:
 - * Bản đồ quy hoạch cao độ nền và thoát nước mặt.
 - * Bản đồ quy hoạch cấp điện và chiếu sáng.
 - * Bản đồ quy hoạch cấp nước.
 - * Bản đồ thoát nước thải và xử lý chất thải rắn.
 - * Bản đồ quy hoạch hệ thống thông tin liên lạc.
- + Bản đồ tổng hợp đường dây, đường ống kỹ thuật.

5. Dự báo quy mô dân số, các chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch đô thị, hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật đô thị toàn khu vực quy hoạch:

5.1. Thời hạn quy hoạch: đến năm 2020 (theo thời hạn quy hoạch của đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng quận 10 đã được phê duyệt).

5.2. Dự báo quy mô dân số trong khu vực quy hoạch: 12.000 người.

5.3. Các chỉ tiêu sử dụng đất, hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật đô thị toàn khu vực quy hoạch:

STT	Loại chỉ tiêu	Đơn vị tính	Chỉ tiêu
A	Chỉ tiêu sử dụng đất toàn khu	m ² /người	17,34
B	Chỉ tiêu sử dụng đất đơn vị ở trung bình toàn khu	m ² /người	13,17
C	Các chỉ tiêu sử dụng đất trong các đơn vị ở		
	Chỉ tiêu đất các nhóm nhà ở	m ² /người	8,42
	- Đất nhóm nhà ở hiện hữu thấp tầng cải tạo chỉnh trang	m ² /người	8,97
	- Đất nhóm nhà ở hiện hữu ở cao tầng	m ² /người	4,53
	- Đất công trình dịch vụ đô thị cấp đơn vị ở	m ² /người	0,59
	Trong đó:		
	+ Đất công trình giáo dục	m ² /người	0,42
	+ Trạm y tế	m ²	100
	+ Thương mại dịch vụ - chợ	m ²	600
	+ Văn hóa	m ²	800
	+ Hành chính - ban ngành	m ²	600

	- Đất cây xanh sử dụng công cộng (không kể 1 m ² /người đất cây xanh trong nhóm nhà ở)	m ² /ng	0,13	
	- Đất đường giao toàn khu	km/km ²	13,74	
D	Các chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật đô thị			
	Đất giao thông bố trí đến mạng lưới đường khu vực (từ đường khu vực trở lên), kể cả giao thông tĩnh	%	23,2	
	Tiêu chuẩn cấp nước	lít/người/ngày	180	
	Tiêu chuẩn thoát nước	lít/người/ngày	180	
	Tiêu chuẩn cấp điện	kwh/người/năm	2.500	
	Tiêu chuẩn rác thải, chất thải	kg/người/ngày	1,3	
E	Các chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch đô thị toàn khu			
	Mật độ xây dựng chung	%	35	
	Hệ số sử dụng đất	lần	2,2	
	Tầng cao xây dựng (theo QCVN 03:2012/BXD)	Tối đa	tầng	20
		Tối thiểu	tầng	1

6. Quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất:

6.1. Các khu chức năng trong khu vực quy hoạch:

Toàn khu vực quy hoạch được phân chia làm 02 đơn vị ở và các khu chức năng cấp đô thị ngoài đơn vị ở, được xác định như sau:

- Đơn vị ở 1: Nằm phía Tây phương 1, được giới hạn bởi:

+ Phía Đông giáp : đường Hồ Thị Kỳ.

+ Phía Tây giáp : đường Lê Hồng Phong.

+ Phía Nam giáp : đường Hùng Vương.

+ Phía Bắc giáp : đường Lý Thái Tổ.

- Tổng diện tích: 9,68 ha.

- Dân số dự kiến: 7.800 người.

- Chức năng: khu nhà ở hiện hữu chỉnh trang theo dạng nhà phố liên kế, khu công trình dịch vụ cấp đơn vị ở.

- Bảng cân bằng đất đai đơn vị ở 1:

STT	Loại đất	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Chỉ tiêu (m ² /người)
A	Đất đơn vị ở	9,60	100,00	12,31
1	Đất các nhóm nhà ở	7,01	73,02	8,99
	- Nhóm nhà ở hiện hữu thấp tầng chỉnh trang	7,01	73,02	8,99

	- Nhóm nhà ở hiện hữu cao tầng	-		
2	Đất công trình dịch vụ cấp đơn vị ở	0,42	4,38	0,54
	- Giáo dục (trường tiểu học hiện hữu)	0,23	2,40	
	- Hành chính - ban ngành hiện hữu	0,04	0,42	
	- Văn hóa hiện hữu	0,08	0,83	
	- Y tế hiện hữu	0,01	0,10	
	- Thương mại dịch vụ - chợ hiện hữu	0,06	0,63	
3	Đất giao thông	2,17	22,60	2,78
B	Đất ngoài đơn vị ở	0,08		
1	Đất tôn giáo	0,08		
	Tổng cộng	9,68		12,41

- Đơn vị ở 2: phía Đông phường 1, được giới hạn bởi:
 - + Phía Đông - Bắc giáp : đường Lý Thái Tổ.
 - + Phía Đông - Nam giáp : đường Hùng Vương.
 - + Phía Tây - Nam giáp : đường Hồ Thị Kỷ.
- Tổng diện tích : 11,13 ha.
- Dân số dự kiến : 4.200 người.
- Chức năng: là khu nhà ở hiện hữu chính trang theo dạng nhà phố liên kế, nhà ở cao tầng, khu công trình dịch vụ cấp đơn vị ở và khu công trình dịch vụ cấp đô thị.

- Bảng cân bằng đất đai đơn vị ở 2:

STT	Loại đất	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Chỉ tiêu (m ² /người)
A	Đất đơn vị ở	6,20	100,00	14,76
1	Đất các nhóm nhà ở	3,09	49,84	7,36
	- Nhóm nhà ở hiện hữu thấp tầng chính trang	2,41	38,87	8,93
	- Nhóm nhà ở hiện hữu cao tầng (*)	0,68	10,97	4,53
2	Đất công trình dịch vụ cấp đơn vị ở	0,29	4,68	0,69
	- Giáo dục (trường mầm non hiện hữu).	0,27	4,35	
	- Hành chính - ban ngành hiện hữu	0,02	0,32	
3	Cây xanh sử dụng công cộng (*)	0,16	2,58	0,38
4	Đất giao thông	2,66	42,90	6,33
B	Đất ngoài đơn vị ở	4,93		
1	Đất công trình dịch vụ đô thị	4,85		

	- Đất hỗn hợp (hiện trạng là nhà khách Chính phủ)	4,36		
	+ Đất hỗn hợp	2,18		
	+ Đất công viên cây xanh cấp đô thị	2,18		
	- Công ty điện thoại thành phố	0,49		
2	Đất hạ tầng kỹ thuật	0,08		
	Tổng cộng	11,13		26,50

Ghi chú: (*) Đất cây xanh sử dụng công cộng có tính 20% trong tổng diện tích đất nhà ở cao tầng xây mới.

Các khu chức năng thuộc các đơn vị ở (có đan xen các khu chức năng ngoài đơn vị ở), bao gồm:

a. Các khu chức năng thuộc các đơn vị ở (tổng diện tích các đơn vị ở: 15,80 ha).

a.1. Các khu chức năng xây dựng nhà ở (khu ở, nhóm nhà ở): tổng diện tích 10,10 ha, là khu nhà ở hiện hữu chính trang theo dạng nhà phố liên kế, nhà ở dạng chung cư cao tầng độ cao và kiến trúc mặt tiền bố cục hài hòa với nhau và với không gian chung. Trong đó:

- Khu ở (nhóm nhà ở) hiện hữu ổn định cải tạo chính trang: tổng diện tích 9,42 ha.

- Nhóm nhà ở hiện hữu cao tầng: diện tích 0,68 ha (đã trừ diện tích cây xanh 20%), khu chung cư hiện hữu, trong khu chung cư dành tối thiểu 20% quỹ đất bố trí công viên cây xanh cho khu ở.

a.2. Khu chức năng dịch vụ đô thị cấp đơn vị ở: tổng diện tích 0,71 ha; bao gồm:

- Khu chức năng giáo dục: có tổng diện tích 0,50 ha, gồm 02 trường hiện hữu.

+ Trường mầm non hiện hữu cải tạo có diện tích 0,27 ha.

+ Trường tiểu học Hồ Thị Kỷ hiện hữu cải tạo có diện tích 0,23 ha.

- Khu chức năng dịch vụ thương mại - chợ: có tổng diện tích 0,06 ha, gồm 02 điểm. Một điểm nằm tại nút vòng xoay Ngã Bảy đường Lý Thái Tổ - đường Điện Biên Phủ - đường Lê Hồng Phong, khi mở rộng nút giao thông diện tích còn lại khoảng 0,04 ha, điểm 2 là chợ Lê Hồng Phong hiện hữu chính trang có diện tích 0,02 ha.

Ngoài ra còn có chợ hoa Hồ Thị Kỷ được bố trí dọc theo lề đường, đây là một trong những nét đặc trưng của quận 10, tuy là chợ tự phát nhưng trong quá trình hoạt động đã được sắp xếp, bố trí tương đối ổn định, nên cần duy trì và có giải pháp quản lý chặt chẽ tránh gây ô nhiễm và ách tắc lưu thông trên đường Hồ Thị Kỷ, đường Lý Thái Tổ.

- Khu chức năng văn hóa (điểm sinh hoạt văn hóa): nhà văn hóa phường nằm trên đường Lý Thái Tổ có diện tích 0,08 ha.

- Khu chức năng y tế : trạm y tế phường hiện hữu khoảng 0,01 ha.
- Khu chức năng ban ngành: có tổng diện tích 0,06 ha, bao gồm các công trình hiện hữu:

- + Công an phường hiện hữu 0,025 ha nằm trên đường Lê Hồng Phong.
- + Ủy ban nhân dân phường: có diện tích 0,025 ha nằm trên đường Lý Thái Tổ.

- + Phường đội phường 1: 0,01 ha nằm trên đường Hùng Vương.

a.3. Khu chức năng cây xanh sử dụng công cộng: tổng diện tích 0,16 ha. Hiện nay phường 1 không có hệ thống công viên cây xanh tập trung. Tuy nhiên, trong khu chung cư có các mảng xanh tương đối lớn. Vì vậy sẽ tính quỹ đất cây xanh đơn vị ở tối thiểu 20% tổng diện tích đất khu nhà ở chung cư.

- a.4.** Mạng lưới đường giao thông cấp phân khu vực: tổng diện tích 4,83 ha.

b. Các khu chức năng ngoài đơn vị ở nằm đan xen trong đơn vị ở: tổng diện tích 5,01 ha là đất các công trình tôn giáo hiện hữu, công trình khu phức hợp (nhà khách Chính phủ), công ty điện thoại thành phố, đất hạ tầng kỹ thuật (trạm thu gom rác).

- b.1.** Khu chức năng dịch vụ cấp đô thị: tổng diện tích 4,85 ha.

- Công ty điện thoại cấp thành phố hiện hữu nằm trên đường Hùng Vương 0,49 ha.

- Khu đất chức năng hỗn hợp (hiện trạng là nhà khách Chính phủ): có tổng diện tích khoảng 4,36 ha bao gồm hai khu chức năng chính:

- + Đất công viên cây xanh công cộng chiếm 50% tổng diện tích đất quy hoạch khoảng 2,18 ha.

- + Đất hỗn hợp có diện tích khoảng 2,18 ha chiếm 50% tổng diện tích đất quy hoạch có các chức năng khách sạn cao cấp, dịch vụ giải trí, văn phòng, thương mại và không bố trí chức năng ở.

- b.2.** Đất tôn giáo: có tổng diện tích 0,08 ha, gồm các công trình tôn giáo hiện hữu:

- + Chùa Viên Minh : có diện tích 0,02 ha.

- + Nhà thờ Thánh Phao Lô: có diện tích 0,06 ha.

- b.3.** Khu đầu mối hạ tầng kỹ thuật: diện tích 0,08 ha, đây là trạm thu gom rác hiện hữu nằm xen cài trong khu dân cư vì vậy cần cải tạo nâng cấp trang thiết bị để giảm thiểu ô nhiễm trong khu dân cư.

6.2. Cơ cấu sử dụng đất toàn khu vực quy hoạch:

STT	Loại đất	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
A	Đất đơn vị ở	15,80	100,00
1	Đất các nhóm nhà ở	10,10	63,92
	- Nhóm nhà ở hiện hữu thấp tầng chính trang	9,42	59,62
	- Nhóm nhà ở hiện hữu cao tầng (*)	0,68	4,30
2	Đất công trình dịch vụ cấp đơn vị ở	0,71	4,49

	- Giáo dục	0,50	3,16
	+ Trường mầm non hiện hữu	0,27	
	+ Trường tiểu học hiện hữu	0,23	
	- Hành chính - ban ngành hiện hữu	0,06	0,38
	- Văn hóa hiện hữu	0,08	0,51
	- Y tế hiện hữu	0,01	0,06
	- Thương mại dịch vụ - chợ hiện hữu	0,06	0,38
3	Cây xanh sử dụng công cộng (*)	0,16	1,01
4	Đất giao thông	4,83	30,58
B	Đất ngoài đơn vị ở	5,01	
1	Đất công trình dịch vụ đô thị	4,85	
	- Đất hỗn hợp (hiện trạng là nhà khách Chính phủ)	4,36	
	+ Đất hỗn hợp	2,18	
	+ Đất công viên cây xanh cấp đô thị	2,18	
	- Công ty điện thoại thành phố	0,49	
2	Đất tôn giáo	0,08	
3	Đất hạ tầng kỹ thuật	0,08	
	Tổng cộng	20,81	

Ghi chú: (*) Đất cây xanh trong đơn vị ở tính 20% tổng diện tích đất khu nhà ở cao tầng.

6.3. Cơ cấu sử dụng đất và các chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch đô thị từng đơn vị ở và ngoài đơn vị ở:

Đơn vị ở	Cơ cấu sử dụng đất		Chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch đô thị					
	Loại đất	Ký hiệu khu đất	Diện tích (ha)	Chỉ tiêu sử dụng đất (m ² /người)	Mật độ xây dựng tối đa (%)	Tầng cao (tầng)		Hệ số sử dụng đất (lần)
						Tối thiểu	Tối Đa	
Đơn vị ở 1 (diện tích 9,68 ha, dân số dự kiến 7.800 người)	1, Đất đơn vị ở		9,60	12,31				
	1.1. Đất nhóm nhà ở	I.	7,01	8,99				
	- Nhóm nhà ở thấp tầng hiện hữu chính trang	I.D1	0,81		60	3	5	3
	- Nhóm nhà ở thấp tầng hiện hữu chính trang	I.D2	6,20		60	3	5	3
	1.2. Đất công trình dịch vụ đô thị	I.C	0,42	0,53				
	- Đất giáo dục		0,23					
	+ Trường tiểu học hiện hữu (*)	I.C4	0,23		50	3	4	2
	- Đất hành chính - ban ngành	I.C3	0,04		60	2	5	3

	- Đất thương mại dịch vụ	I.C1	0,04		50	2	6	3
	- Chợ Lê Hồng Phong	I.C2	0,02		60	1	2	1,2
	- Đất y tế hiện hữu	I.C3	0,01		60	2	5	3
	- Đất văn hóa hiện hữu	I.C3	0,08		60	2	5	3
	1.4. Đất giao thông		2,17	11,6 km/km ²				
	2. Đất ngoài đơn vị ở		0,08					
	2.1. Đất tôn giáo	I.T	0,08					
	- Chùa Viên Minh	I.T1	0,02		40	2	4	1,6
	- Nhà thờ thánh Phao Lô	I.T2	0,06		40	2	4	1,6
Đơn vị ở 2 (diện tích 11,13 ha, dân số dự kiến 4.200 người)	1. Đất đơn vị ở		6,20	14,76				
	1.1. Đất nhóm nhà ở	II.D	3,09	7,36				
	- Nhóm nhà ở thấp tầng hiện hữu chính trang	II.D1	0,45		60	3	5	3
	- Nhóm nhà ở thấp tầng hiện hữu chính trang	II.D2	1,96		60	3	5	3
	- Nhóm nhà ở hiện hữu cao tầng (**)	II.D3	0,68		40	4	20	6
	1.2. Đất công trình dịch vụ đô thị	I.C	0,29	0,69				
	- Đất giáo dục		0,27					
	+ Trường mầm non hiện hữu (*)	II.C2	0,27		40	2	3	1,2
	- Đất hành chính - ban ngành	II.C1	0,02		60	2	5	3
	1.3. Đất cây xanh sử dụng công cộng (**)		0,16	0,38				
	1.4. Đất giao thông		2,66	15,4 km/km ²				
	2. Đất ngoài đơn vị ở		4,93					
	2.1. Đất công trình dịch vụ đô thị	II.N	4,85					
	- Đất hỗn hợp (hiện trạng là nhà khách Chính phủ).	II.N1	4,36		20	1	15	2
	+ Đất hỗn hợp		2,18		35	2	15	4
	+ Đất công viên cây xanh cấp đô thị		2,18		5	1	1	0,05
	- Công ty điện thoại thành phố	II.N2	0,49		40	4	5	2
	2.2. Đất hạ tầng kỹ thuật	II.N3	0,08					

Ghi chú:

- (*) Đất giáo dục: không bố trí lớp học tại tầng 3 đối với trường mầm non và tầng 4 đối với trường tiểu học.

- (**) khu nhà chung cư cao tầng và nhà khách chính phủ: trong đó có dành tối thiểu 20% đất cây xanh tính cho đơn vị ở.

- Cơ cấu sử dụng đất trong khu đất có chức năng sử dụng hỗn hợp:

Ký hiệu khu đất sử dụng hỗn hợp		Các chức năng sử dụng đất trong khu đất hỗn hợp	Tỷ lệ các khu chức năng trong khu đất hỗn hợp (%)	Diện tích từng khu chức năng (ha)	Chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật		
Ký hiệu	Diện tích (ha)				Mật độ xây dựng (%)	Tầng cao tối đa (tầng)	Hệ số sử dụng đất tối đa (lần)
II-N1	4,36	Đất có chức năng hỗn hợp (bao gồm khách sạn cao cấp, dịch vụ giải trí, văn phòng, thương mại và không bố trí chức năng ở)	50	2,18	35	15	4
		Đất cây xanh sử dụng công cộng cấp đô thị	50	2,18	5	1	0,05
Tổng			100	4,36	20	15	2

7. Tổ chức không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị:

Khu vực nghiên cứu là khu dân cư hiện hữu với mật độ xây dựng cao, diện tích một căn hộ khá nhỏ khoảng 25 - 50 m²/hộ, tầng cao trung bình thấp từ 2 - 5 tầng, không gian xanh hầu như không có, chỉ có khoảng xanh trong khu vực nhà khách và các dãy cây xanh dọc đường Hùng Vương, đường Lý Thái Tổ, vì vậy môi trường sống trong khu vực không đảm bảo với quy mô dân số của phường như hiện nay. Do vậy, cần chú trọng đến việc tạo không gian ở đảm bảo các nhu cầu thiết yếu hàng ngày và tạo được không gian thông thoáng chủ yếu dựa vào các dãy cây xanh ven đường.

Phường 1 được phân thành 2 đơn vị ở, đơn vị ở 1 phía Tây đường Hồ Thị Kỷ là khu dân cư hiện hữu chính trang trong khu vực này chỉ cần nâng cấp và cải tạo đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật như mở rộng đường giao thông, cải tạo hệ thống cấp thoát nước,... Đơn vị ở 2 phía Đông đường Hồ Thị Kỷ là khu dân cư hiện hữu thấp tầng và chung cư. Điểm nhấn của phường 1 sẽ là khu nhà khách Chính phủ khi có dự án thực hiện.

- Khu ở:

+ Khu nhà ở hiện hữu cải tạo tầng cao tùy theo diện tích căn hộ và phải tuân thủ theo Quyết định hiện hành của Ủy ban nhân dân thành phố về kiến trúc nhà liền kề trong khu đô thị hiện hữu trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

+ Khu nhà ở kết hợp thương mại dịch vụ: là dãy nhà mặt tiền các trục đường lớn như đường Lý Thái Tổ, đường Lê Hồng Phong, đường Hùng Vương. Do các tuyến này nối liền các quận và là những tuyến lưu thông hàng hóa chính của thành phố, vì vậy các khu nhà ở kết hợp thương mại dịch vụ chính là bộ mặt của phường nói riêng và của quận nói chung nên cần có thiết kế đô thị cụ thể cho các tuyến đường trên.

+ Khu chung cư hiện hữu vẫn giữ nguyên, khi xây dựng mới có thể nâng cao tối đa 20 tầng, dành đất bố trí cây xanh, công trình cộng đồng phục vụ chung cho khu vực.

- Công trình dịch vụ cấp thành phố: phân nữa khu đất nhà khách Chính phủ sẽ được chuyển đổi thành chức năng hỗn hợp gồm: khách sạn cao cấp, dịch vụ giải trí, văn phòng, thương mại (không bố trí chức năng ở), với các chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc như sau:

+ Diện tích: khoảng 2,18 ha (50% diện tích khu đất nhà khách Chính phủ). Diện tích khu đất sẽ căn cứ theo bản đồ đo vẽ hiện trạng tỷ lệ 1/500.

* Mật độ xây dựng : 35 %.

* Tầng cao : 15 tầng.

* Hệ số sử dụng đất : 4.

+ Khu giáo dục : gồm trường tiểu học Hồ Thị Kỷ và trường mầm non Phường 1 là các công trình hiện hữu giữ lại, sẽ được nâng cấp, cải tạo trang thiết bị, cơ sở vật chất, bố trí thêm sân chơi, trồng thêm cây bóng mát nâng cao diện tích mảng xanh cho công trình.

- Đối với các công trình xây dựng thêm trong khuôn viên đất: phải đảm bảo khoảng lùi tối thiểu 4m với các công trình xung quanh và với chỉ giới đường đỏ.

- Về kiến trúc xây dựng công trình công cộng phải đảm bảo theo đúng các quy định Quy chuẩn xây dựng Việt Nam đã ban hành.

- Loại công trình, mật độ xây dựng và tầng cao:

+ Khu giáo dục : trường tiểu học và trường mầm non.

* Mật độ xây dựng : 40% - 50%.

* Tầng cao : 2 - 4 tầng.

* Hệ số sử dụng đất : 1,2 - 2.

+ Các công trình tôn giáo: được giữ lại, bảo tồn nâng cấp, nhằm nâng cao giá trị tinh thần cho người dân địa phương.

- Thương mại dịch vụ: Là các khu chợ hiện hữu như chợ Lê Hồng Phong, khu kinh doanh hoa trên đường Hồ Thị Kỷ. Đặc điểm của các chợ này là nằm trên các tuyến đường hoạch có đường giao thông nội bộ bao quanh, do đó cần có giải pháp quản lý chặt chẽ tránh tình trạng gây ùm tắt giao thông. Có hệ thống thu gom rác thuận tiện tránh gây ô nhiễm môi trường ở xung quanh.

- (*): Lộ giới đường Trần Bình Trọng là 17 m theo Công văn số 367/UBND-ĐTMT ngày 31 tháng 01 năm 2012 của Ủy ban nhân dân thành phố, mặt cắt ngang sẽ được cập nhật cụ thể khi thiết kế tuyến đường được các cấp thẩm quyền phê duyệt.

- Mật độ đường:

+ Mật độ lưới đường quy hoạch đạt 13,74 km/km².

+ Diện tích giao thông: 4,82 ha, chiếm tỷ lệ 23,16% diện tích chung.

8.2. Quy hoạch cao độ nền và thoát nước mặt:

a) Quy hoạch cao độ nền:

- Khu vực có nền đất tương đối cao, cao độ thay đổi từ 5,06m xuống 3,75m: giữ nguyên cao độ hiện hữu, chỉ san ủi cục bộ khi xây dựng công trình.

- Hướng đổ dốc theo hướng địa hình tự nhiên: từ Đông - Bắc về Tây - Nam.

b) Quy hoạch thoát nước mặt:

- Hướng thoát chính về phía Nam ra rạch Tàu Hũ.

- Hệ thống cống liên khu vực được cập nhật theo dự án cải thiện vệ sinh môi trường nước và theo dự kiến đồ án quy hoạch chung (các tuyến cống Ø1000 trên đường Điện Biên Phủ, cống hộp 2000x2000 đường Lê Hồng Phong, đường Trần Bình Trọng).

- Khu quy hoạch là khu hiện hữu có hệ thống thoát nước mặt tương đối hoàn thiện, do đó giữ lại hầu hết các tuyến cống hiện trạng thoát nước hiệu quả, kết hợp xây mới các tuyến cống nhánh trong hẻm nhằm thoát nước triệt để cho khu vực.

8.3. Quy hoạch cấp điện và chiếu sáng đô thị:

- Chi tiêu cấp điện: 2.500 KWh/người/năm. Tổng phụ tải tính toán: 16,6MW.

- Nguồn cấp điện cho khu quy hoạch được lấy từ trạm hiện hữu 110/15-22KV Hùng Vương và Bến Thành.

- Trạm biến áp phân phối 15-22/0,4KV đặt ngoài trời kém mỹ quan và thiếu an toàn sẽ thay dần bằng trạm phòng, trạm đơn thân (trạm cột), riêng các trạm phòng có công suất nhỏ cần cải tạo và thay máy có công suất lớn.

- Xây dựng mới các trạm biến áp phân phối 15-22/0,4KV với tổng công suất 21.890 KVA, xây dựng kiểu trạm phòng có công suất đơn vị ≥ 400 KVA.

- Phương án quy hoạch lưới phân phối phù hợp:

+ Mạng trung thế 15KV hiện hữu trên các trục đường chính: đường Lê Hồng Phong, đường Lý Thái Tổ, đường Hùng Vương,... đi trên trụ bê tông ly tâm được thay thế dần bằng cáp ngầm 22KV tiết diện trên các trục chính $S \geq 240$ mm².

+ Xây dựng mới các tuyến 22KV xuất phát từ trạm 110/15-22KV dẫn dọc theo các trục đường giao thông chính dùng cáp đồng 3 lõi cách điện XLPE, chôn ngầm.

+ Mạng hạ thế cấp điện cho các công trình dùng cáp đồng 4 lõi bọc cách điện chôn ngầm, tiết diện phù hợp với các công trình.

+ Mạng hạ thế hiện hữu đi trên trụ bê tông ly tâm sử dụng cáp ABC sẽ dần được thay thế bằng cáp ngầm.

+ Chiều sáng giao thông sử dụng đèn cao áp Sodium 150W-250W-220V gắn trên trụ thép mạ kẽm .

8.4. Quy hoạch cấp nước:

- Nguồn cấp nước: Sử dụng nguồn nước máy thành phố, dựa vào các tuyến ống cấp nước hiện hữu Ø500 trên đường Lý Thái Tổ và Ø400 trên đường Lê Hồng Phong thuộc hệ thống nhà máy nước Thủ Đức.

- Chỉ tiêu cấp nước sinh hoạt: 180 lít/người/ngày.

- Tổng lưu lượng nước cấp toàn khu: $Q_{\max} = 4.830 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

- Chỉ tiêu cấp nước chữa cháy: 15 lít/s cho 1 đám cháy, số đám cháy xảy ra đồng thời cùng lúc là 2 đám cháy.

- Mạng lưới cấp nước: Đầu nối mạng lưới bên trong khu quy hoạch với các tuyến ống cấp nước hiện hữu và dự kiến quy hoạch. Các tuyến ống cấp nước chính được thiết kế theo mạng vòng nhằm đảm bảo an toàn và cung cấp nước liên tục. Từ các vòng cấp nước chính phát triển các tuyến nhánh phân phối nước tới các khu tiêu thụ.

- Hệ thống cấp nước chữa cháy: Dựa trên các tuyến ống cấp nước bố trí trụ cứu hoả với bán kính phục vụ 150m.

8.5. Quy hoạch thoát nước thải và xử lý chất thải rắn:

a) Thoát nước thải:

- Chỉ tiêu thoát nước thải sinh hoạt: 180 lít/người/ngày.

- Tổng lưu lượng nước thải toàn khu: $Q_{\max} = 3.978 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

- Giải pháp thoát nước thải:

+ Sử dụng hệ thống cống thoát nước thải chung. Nước thải phân tiêu phải được xử lý bằng bể tự hoại trước khi thoát vào cống thu nước thải.

+ Nước thải được tập trung vào 02 tuyến cống thoát nước chung trên đường Trần Bình Trọng và Lê Hồng Phong. Nước thải được tách ra khỏi hệ thống cống thoát nước chung bằng giếng tách dòng ở cuối tuyến và thoát vào cống bao thu nước thải đưa về Nhà máy xử lý nước thải tập trung tại xã Bình Hưng - Bình Chánh.

- Mạng lưới thoát nước thải: Phù hợp với giải pháp thoát nước thải.

b) Xử lý rác thải:

- Chỉ tiêu rác thải sinh hoạt: 1,3 kg/người/ngày.

- Tổng lượng rác thải sinh hoạt là 15,6 tấn/ngày.

- Phương án thu gom và xử lý rác: Rác thải được thu gom mỗi ngày và đưa đến trạm ép rác kín của quận. Sau đó vận chuyển đưa về các Khu Liên hiệp xử lý chất thải tập trung của thành phố theo quy hoạch.

8.6. Quy hoạch thông tin liên lạc:

- Chỉ tiêu phát triển viễn thông:

+ Điện thoại: 30 thuê bao/100người.

+ Mạng hạ thế hiện hữu đi trên trụ bê tông ly tâm sử dụng cáp ABC sẽ dần được thay thế bằng cáp ngầm.

+ Chiều sáng giao thông sử dụng đèn cao áp Sodium 150W-250W-220V gắn trên trụ thép mạ kẽm .

8.4. Quy hoạch cấp nước:

- Nguồn cấp nước: Sử dụng nguồn nước máy thành phố, dựa vào các tuyến ống cấp nước hiện hữu Ø500 trên đường Lý Thái Tổ và Ø400 trên đường Lê Hồng Phong thuộc hệ thống nhà máy nước Thủ Đức.

- Chỉ tiêu cấp nước sinh hoạt: 180 lít/người/ngày.

- Tổng lưu lượng nước cấp toàn khu: $Q_{\max} = 4.830 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

- Chỉ tiêu cấp nước chữa cháy: 15 lít/s cho 1 đám cháy, số đám cháy xảy ra đồng thời cùng lúc là 2 đám cháy.

- Mạng lưới cấp nước: Đầu nối mạng lưới bên trong khu quy hoạch với các tuyến ống cấp nước hiện hữu và dự kiến quy hoạch. Các tuyến ống cấp nước chính được thiết kế theo mạng vòng nhằm đảm bảo an toàn và cung cấp nước liên tục. Từ các vòng cấp nước chính phát triển các tuyến nhánh phân phối nước tới các khu tiêu thụ.

- Hệ thống cấp nước chữa cháy: Dựa trên các tuyến ống cấp nước bố trí trụ cứu hoả với bán kính phục vụ 150m.

8.5. Quy hoạch thoát nước thải và xử lý chất thải rắn:

a) Thoát nước thải:

- Chỉ tiêu thoát nước thải sinh hoạt: 180 lít/người/ngày.

- Tổng lưu lượng nước thải toàn khu: $Q_{\max} = 3.978 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

- Giải pháp thoát nước thải:

+ Sử dụng hệ thống cống thoát nước thải chung. Nước thải phân tiêu phải được xử lý bằng bể tự hoại trước khi thoát vào cống thu nước thải.

+ Nước thải được tập trung vào 02 tuyến cống thoát nước chung trên đường Trần Bình Trọng và Lê Hồng Phong. Nước thải được tách ra khỏi hệ thống cống thoát nước chung bằng giếng tách dòng ở cuối tuyến và thoát vào cống bao thu nước thải đưa về Nhà máy xử lý nước thải tập trung tại xã Bình Hưng - Bình Chánh.

- Mạng lưới thoát nước thải: Phù hợp với giải pháp thoát nước thải.

b) Xử lý rác thải:

- Chỉ tiêu rác thải sinh hoạt: 1,3 kg/người/ngày.

- Tổng lượng rác thải sinh hoạt là 15,6 tấn/ngày.

- Phương án thu gom và xử lý rác: Rác thải được thu gom mỗi ngày và đưa đến trạm ép rác kín của quận. Sau đó vận chuyển đưa về các Khu Liên hiệp xử lý chất thải tập trung của thành phố theo quy hoạch.

8.6. Quy hoạch thông tin liên lạc:

- Chỉ tiêu phát triển viễn thông:

+ Điện thoại: 30 thuê bao/100người.

+ Nhu cầu thuê bao: 4.180 thuê bao.

- Định hướng đầu nối từ trạm thông tin Hùng Vương hiện hữu bằng tuyến cáp quang đi ngầm.

- Các tuyến cáp viễn thông (cáp truyền dữ liệu internet, ADSL, cáp truyền hình,...) dự kiến xây dựng nối từ tủ cáp chính đến các tủ cáp phân phối dùng cáp quang hoặc cáp đồng luồn trong ống PVC Ø114 đi trong hào cáp đặt ngầm trên vỉa hè.

- Mạng di động: khi tiến hành lắp đặt các trạm BTS, các nhà cung cấp nên sử dụng chung cơ sở hạ tầng và phải đảm bảo mỹ quan đô thị.

9. Đánh giá môi trường chiến lược:

- Các giải pháp giảm thiểu đã lồng vào quy hoạch:

+ Quy hoạch sử dụng đất hợp lý, hiệu quả, tránh lãng phí đất đai;

+ Phát triển cây xanh mặt nước để giải quyết vấn đề đảo nhiệt đô thị: Đồ án đã thu xếp bố trí dành tối đa đất cho phát triển cây xanh công cộng, trong nhiệm vụ quy hoạch được duyệt, chỉ tiêu đất cây xanh công cộng chỉ đạt 0,25 m²/người nhưng trong đồ án quy hoạch đã tăng lên được 0,86 m²/người.

+ Quy hoạch hợp lý hệ thống hạ tầng kỹ thuật có tính đến vấn đề biến đổi khí hậu và nước biển dâng: Quy hoạch thoát nước mưa chuẩn bị kỹ thuật đất xây dựng khá hợp lý bằng cách san đắp tại chỗ, quy hoạch thoát nước thải cũng được nghiên cứu rất chi tiết, mặc dù khu vực quy hoạch có diện tích nhỏ nhưng vẫn được phân làm 2 lưu vực thoát nước với 02 hướng xử lý khác nhau, ...

- Các giải pháp kỹ thuật để kiểm soát ô nhiễm phòng tránh giảm nhẹ thiên tai, ứng phó với sự cố môi trường, kiểm soát các tác động môi trường

+ Thực hiện nghiêm tiến độ xây dựng các công trình bảo vệ môi trường (hệ thống thoát nước mưa, nước thải, trạm trung chuyển rác,...).

+ Đề xuất kế hoạch quản lý và giám sát môi trường:

* Giám sát môi trường không khí: vị trí trên trục đường giao thông chính của khu dân cư: Ngã Bảy Lý Thái Tổ tại giao lộ đường Lý Thái Tổ - đường Điện Biên Phủ.

* Giám sát môi trường chất thải rắn: Các vấn đề cần giám sát, cách thức phân loại rác trong khu nhà ở, kiểm tra nhân viên thu gom. Ngoài ra, trong giai đoạn thực hiện quy hoạch, từng dự án đầu tư có kế hoạch giám sát môi trường trong giai đoạn xây dựng và vận hành dự án.

10. Bản đồ tổng hợp đường dây đường ống: Việc bố trí, sắp xếp đường dây, đường ống kỹ thuật có thể thay đổi trong các bước triển khai thiết kế tiếp theo (thiết kế cơ sở, thiết kế kỹ thuật thi công của dự án) đảm bảo yêu cầu kỹ thuật theo quy định.

11. Những hạng mục ưu tiên đầu tư; các vấn đề về tổ chức thực hiện theo quy hoạch:

a) Những hạng mục ưu tiên đầu tư:

- Mở rộng và nâng cấp các tuyến chính như đường Trần Bình Trọng lộ giới 20 m.

- Trường tiểu học Hồ Thị Kỷ và trường mầm non phường 1 là các công trình hiện hữu giữ lại, sẽ được nâng cấp, cải tạo trang thiết bị, cơ sở vật chất, bố trí thêm sân chơi, trồng thêm cây bóng mát nâng cao diện tích mảng xanh cho công trình.

- Phát triển các khu công viên cây xanh và các công trình giáo dục hiện hữu hiện đại, khang trang.

b) Về tổ chức thực hiện theo quy hoạch:

- Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân quận 10, các cơ quan quản lý đầu tư phát triển đô thị căn cứ vào đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 này được phê duyệt để làm cơ sở xác định, lập kế hoạch thực hiện các khu vực phát triển đô thị để trình cấp có thẩm quyền quyết định phê duyệt theo Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ về quản lý đầu tư phát triển đô thị.

- Trong quá trình tổ chức thực hiện theo quy hoạch, triển khai các dự án đầu tư phát triển đô thị trong khu vực quy hoạch; các chủ đầu tư, tổ chức, đơn vị có liên quan cần tuân thủ các nội dung đã được nêu trong đồ án này và Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch đã được phê duyệt.

Điều 2. Trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị có liên quan.

- Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Ủy ban nhân dân quận 10 và đơn vị tư vấn chịu trách nhiệm về tính chính xác của các nội dung nghiên cứu và các số liệu đánh giá hiện trạng tính toán chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật thể hiện trong thuyết minh chịu trách nhiệm và hồ sơ bản vẽ đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị (quy hoạch phân khu) tỷ lệ 1/2000 khu dân cư phường 1, quận 10.

- Để đảm bảo cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật phù hợp với quy mô dân số của đồ án và theo đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng quận 10; trong quá trình triển khai tổ chức thực hiện theo quy hoạch, Ủy ban nhân dân quận 10 cần lưu ý việc kiểm soát và khống chế quy mô dân số trong phạm vi đồ án; theo đó, các dự án phát triển nhà ở cần có giải pháp để ưu tiên bố trí tái định cư tại chỗ.

- Trong quá trình tổ chức triển khai các dự án đầu tư xây dựng tại các khu vực có sông, kênh, rạch trong khu vực quy hoạch; Ủy ban nhân dân quận 10, Sở Giao thông Vận tải, Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Sở Xây dựng và các đơn vị liên quan cần quản lý chặt chẽ việc tuân thủ về chỉ giới hành lang sông, kênh, rạch đã được quy định tại Quyết định số 150/2004/QĐ-UBND ngày 09 tháng 5 năm 2004 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành quy định quản lý, sử dụng hành lang sông, kênh, rạch trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh. Việc san lấp kênh, mương, rạch (nếu có) trong khu vực quy hoạch cần có ý kiến thỏa thuận của các cơ quan có thẩm quyền đã được quy định tại Quyết định số 319/2003/QĐ-UB ngày 26 tháng 12 năm 2003 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy định về quản lý việc san lấp và xây dựng công trình trên sông, kênh, rạch, đầm, hồ công cộng thuộc địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

- Để làm cơ sở quản lý không gian kiến trúc cảnh quan đô thị, quản lý xây dựng và kiểm soát sự phát triển đô thị phù hợp với quy hoạch; sau khi đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị (quy hoạch phân khu) tỷ lệ 1/2000 khu

dân cư phường 1, quận 10 được phê duyệt, Ủy ban nhân dân quận 10 cần phối hợp Sở Quy hoạch - Kiến trúc để tổ chức lập Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị tổng thể, phù hợp với nội dung đồ án.

- Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày được phê duyệt, Ủy ban nhân dân quận 10 cần tổ chức công bố công khai đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 này theo Luật Quy hoạch đô thị và Quyết định số 49/2011/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy định về công bố công khai và cung cấp thông tin về quy hoạch đô thị tại thành phố Hồ Chí Minh và tổ chức thực hiện công tác cắm mốc giới theo quy hoạch được duyệt đã được quy định tại Thông tư số 15/2010/TT-BXD ngày 27 tháng 8 năm 2010 của Bộ Xây dựng quy định về cắm mốc giới và quản lý mốc giới theo quy hoạch đô thị.

- Sau khi đồ án quy hoạch phân khu này được phê duyệt, Ủy ban nhân dân quận 10 cần yêu cầu đơn vị tư vấn lập quy định quản lý theo đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị (quy hoạch phân khu) tỷ lệ 1/2000 khu dân cư phường 1, quận 10 để trình Sở Quy hoạch - Kiến trúc phê duyệt theo Chỉ thị số 24/2012/CT-UBND ngày 03 tháng 11 năm 2012 của Ủy ban nhân dân thành phố về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị trên địa bàn thành phố.

Điều 3. Quyết định này đính kèm thuyết minh tổng hợp và các bản vẽ đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị (quy hoạch phân khu) tỷ lệ 1/2000 khu dân cư phường 1, quận 10 được nêu tại Khoản 4, Điều 1 Quyết định này.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Giám đốc Sở Y tế, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Viện trưởng Viện Nghiên cứu phát triển thành phố, Thủ trưởng các Sở - Ban - Ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 10, Giám đốc Ban Quản lý Đầu tư Xây dựng Công trình quận 10; Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường 1 và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận :

- Như Điều 4;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND/TP;
- TTUB: CT, các PCT;
- VPUB: các PVP;
- Các Phòng chuyên viên;
- Lưu: VT, (ĐTMT-N) D. 28

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Hữu Tín

